

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2026/HS-ST

Ngày 04 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Thư ký phiên toà tại điểm cầu trung tâm: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Văn D - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên toà:* Ông Phạm Công Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng và tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên toà số 405/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh ngày 12/02/1990 tại: Hải Phòng; giới tính: Nam; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn I C (nay là TDP C), đặc khu C, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Tiến D1 (đã chết); con bà Nguyễn Thị V (đã chết); gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 05. Bị cáo không có vợ, có một con sinh năm 2016. Tiền sự: Không; tiền án: nhân thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án số 22/2011/HSST ngày 26/10/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 26/3/2013, chưa thi hành số tiền nộp sung quỹ nhà nước). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 02/4/2026 đến ngày 10/4/2026 chuyển tạm giam tại trại tạm giam số 01, Công an thành phố H. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phan Ngọc T (sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn G C (nay là TDP C), đặc khu C, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Khắc V1 (sinh năm 1988, trú tại: TDP C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Lương Thị Vũ S, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1987. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/4/2026, Trần Văn H bức xúc vì nghĩ bà Lương Thị Vũ S (sinh năm 1976, nơi cư trú: Số A T, thôn A C (nay là TDP C), đặc khu C, thành phố Hải Phòng) và chị Phan Ngọc T (sinh năm 2003, nơi cư trú: Thôn G C (nay là TDP C), đặc khu C, thành phố Hải Phòng) thường xuyên nói xấu, bôi nhọ H, nên H cầm theo 01 con dao dài 34cm, loại dao gấp, lưỡi bằng kim loại, cán bằng kim loại cắt vào cốp xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, không mang biển kiểm soát, điều khiển xe mô tô mục đích đi tìm chị T và bà S để gây thương tích. Khi H điều khiển xe đến khu vực trường tiểu học N, tổ dân phố C, đặc khu C, nhìn thấy bà S đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều, H dừng xe lấy con dao trong cốp cầm trên tay và quay xe lại đuổi theo bà S. Đến trước cửa quán K ở số A lô B, thôn A C (nay là TDP C), đặc khu C, thấy H, nên bà S xuống xe bỏ chạy vào trong quán, H cầm con dao trên tay phải đuổi theo nhưng bị anh Nguyễn Khắc V1 (sinh năm 1988, trú tại: TDP C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng - là chủ quán karaoke Ngọc L) và anh Nguyễn Trung H1 (sinh năm 1987, trú tại: TDP C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng) can ngăn, nên H bỏ đi tiếp tục tìm chị T. H điều khiển xe đi vòng quanh khu trung tâm du lịch, phát hiện chị T đang điều khiển xe mô tô đi ngược chiều, H quay xe lại đuổi theo chị T, khi đến gần cửa quán karaoke Ngọc L, chị T dừng xe và bỏ chạy vào trong quán, H xuống xe cầm dao đuổi theo chị T thì bị anh V1 can ngăn. H lấy bộ ấm chén bằng sứ ở trên bàn uống nước bên ngoài quán ném về phía cửa quán. Sau đó, H đuổi theo vào trong quán thì bà S và chị T chạy theo cửa phụ ra ngoài đường. H đuổi từ trong quán ra, chị T chạy đến sát lề đường thì H đuổi kịp, chị T quay người lại đối diện với H khoảng cách 50 đến 60cm, H cầm dao bằng tay phải đâm 01 nhát về phía chị T, chị T lùi lại, nên trúng vào phần ngực phía dưới bên phải làm chị T ngã ra. Thấy vậy, bà S liền ôm đẩy H ngã xuống lòng đường, đồng thời chị T cùng mọi người xung quanh vào can ngăn, giật dao khỏi tay H, nên H đứng dậy điều khiển xe mô tô bỏ đi. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H đến Công an đặc khu C đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Quá trình giảng co, chị T còn thương tích ở tay phải do dao cứa và xây xước ở phần da cổ hàm phải, đầu gối bên phải, cẳng chân bên trái do bị ngã.

Công an đặc khu C đã thu giữ:

- 01 con dao đã qua sử dụng có chiều dài tổng thể 34 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16 cm, loại một lưỡi sắc, mũi nhọn, trên lưỡi dao có dòng ký tự “AK- 47 CCCP”, cán dao dài 18 cm được làm bằng kim loại, có dòng chữ ký tự “USA- 47” bản rộng nhất của dao là 03 cm, lưỡi dao có thể gấp lại theo chiều đi xuống vào trong rãnh cán dao do anh Nguyễn Khắc V1 giao nộp.

- 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát do **Trần Văn H** giao nộp.

- 02 video được trích xuất từ camera của **quán K ở số A lô B, TDP C, đặc khu C, thành phố Hải Phòng** có ghi nhận sự việc, được lưu trữ trong USB nhãn hiệu KINGSTON màu xám, có dung lượng 32G, được niêm phong theo quy định.

Kết luận giám định số 1408/KL-KTHS ngày 08/4/2026 của **Phòng K1 Công an thành phố H** kết luận: Con dao trong vụ việc là lưỡi lê, thuộc phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của **Bộ C1** quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ công cụ hỗ trợ.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 325/2026/KLTTCT-TTPYHP ngày 03/4/2026 của **Trung tâm P** kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Phan Ngọc T** tại thời điểm giám định là 02%, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương rách da mặt trong 1/3 giữa cằm tay phải gây nên là 01%; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương rách da mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay phải gây nên là 01%. Kết luận khác: Vết thương rách da mặt trong 1/3 giữa cằm tay phải và mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay phải có đặc điểm do vật có góc cạnh sắc, sắc nhọn hoặc tương đối sắc, sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 345/2026/KLTTCT-TTPYHP ngày 22/4/2026 của **Trung tâm P** kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Phan Ngọc T** tại thời điểm giám định là 09%, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết thương rách da liên vết phẫu thuật mở rộng vết thương vùng hạ sườn phải, rách cơ liên sườn phải, đã được khâu gây nên là 02%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết xây xước da vùng cổ góc hàm phải gây nên là 02%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết xây xước da mặt ngoài gò phải gây nên là 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết trượt da mặt sau 1/3 giữa cằm chân trái gây nên là 01%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết trượt da mặt trong 1/3 dưới cằm chân trái gây nên là 01%. Kết luận giám định số 325/2026/KLTTCT-TTPYHP ngày 03/4/2026 của **Trung tâm P** kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo 02 vết thương rách da mặt trong 1/3 giữa cằm tay phải và mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay phải gây nên là 02%. Kết luận khác: Vết thương rách da vùng hạ sườn phải có đặc điểm do vật sắc, sắc nhọn hoặc tương đối sắc, sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên; Vết xây xước da vùng cổ góc hàm phải và mặt ngoài gò phải có đặc điểm do vật có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên; Vết trượt da mặt sau 1/3 giữa cằm chân trái và mặt trong 1/3 dưới cằm chân trái xung quanh bầm tím có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày, có thể có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định số 1867/KL-KTHS ngày 12/5/2026 của **Phòng K1 Công an thành phố H** kết luận: 02 tập tin có phần mở rộng “MP4”, tổng dung lượng 44,6 MB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu KINGSTON 8GB đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Kết luận giám định số 2396/KL-KTHS ngày 11/6/2026 của Phòng K1 Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, không mang biển kiểm soát, có số khung: RLHJF4610EY482651 và số máy JF46E-5156615 là số nguyên thủy, không phát hiện thấy có sự tẩy xóa hoặc sửa chữa các ký tự.

Phiếu trả lời xác minh xe ngày 12/6/2026 của Công an đặc khu C thể hiện: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn: đỏ đen, BKS: 89B1-232.48; Ngày đăng ký: 10/8/2015; Chủ xe: Nguyễn Mạnh H2; Địa chỉ: T, TP H, Hưng Yên; Mã định danh: 033087001148; Loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm3; Số máy: JF46E5156615; Số khung: RLHJF4610EY482651.

Ngày 22/5/2026, chị Phan Ngọc T có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của Trần Văn H.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn H khai nhận hành vi như trên. Ngoài ra, H khai, H chưa từng nghe trực tiếp bà Lương Thị Vũ S hay chị Phan Ngọc T nói xấu H mà chỉ nghe từ người khác nói lại, con dao H sử dụng để gây thương tích cho chị T là của H mua ở hội chợ đặc khu C mục đích để sử dụng cá nhân, thời điểm gây thương tích cho chị T, H không biết là chị T đang có thai. Chiếc xe mô tô HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, không mang biển kiểm soát do H tìm mua trên mạng xã hội của một người không quen biết, khi nhận xe, có giấy tờ mua bán và đăng ký xe, tuy nhiên, các giấy tờ này hiện nay H đã làm mất, không biết xe đó là do phạm tội mà có.

Tại cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng truy tố Trần Văn H có lý lịch và hành vi nêu trên về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H khai phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng truy tố, bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xử mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trần Văn H từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích; từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù giam về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội từ 42 đến 54 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao đã qua sử dụng có chiều dài tổng 34 cm, màu trắng, lưỡi dao bằng kim loại dài 16 cm, loại một cạnh sắc, mũi nhọn, trên lưỡi dao có dòng ký tự “AK-47 CCCP”, cán dao dài 18 cm được làm bằng kim loại màu trắng, có dòng chữ ký tự “USA-47” bản rộng nhất của dao là 03 cm, lưỡi dao có thể gấp lại theo chiều đi xuống vào trong rãnh dao. Được niêm phong trong túi niêm phong, ký hiệu ps2-2113622 là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị **Phan Ngọc T** yêu cầu bị cáo **Trần Văn H** phải bồi thường số tiền 130.000.000 đồng do thương tích mà bị cáo **H** đã gây ra cho chị. Bị cáo **Trần Văn H** và gia đình đã bồi thường cho chị **T** số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng **H** chưa bồi thường. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **H** đã chấp nhận đề nghị bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo **H** phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho chị **T** là 90.000.000 đồng.

Đối với hành vi ném vỡ bộ ấm chén uống nước của anh **Nguyễn Khắc V1**, giá trị tài sản thiệt hại khoảng 150.000 đồng, do anh **V1** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

[1] Cơ quan điều tra **Công an thành phố H**, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Trần Văn H** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về căn cứ xác định bị cáo có tội:

[3] Hồi 22 giờ 55 phút ngày 02/4/2026, tại khu vực trước cửa quán K, số A lô B, thuộc thôn A C (nay là TDP C), đặc khu C, thành phố Hải Phòng, giữa **Trần Văn H** với bà **Lương Thị Vũ S** và chị **Phan Ngọc T** không có mâu thuẫn với nhau nhưng do nghi ngờ bà **S** và chị **T** nói xấu, bôi nhọ mình nên **Trần Văn H** đã có hành vi sử dụng dao theo Kết luận giám định là lưỡi lê (thuộc phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của **Bộ C1**) đâm vào vùng phía dưới ngực bên phải của chị **Phan Ngọc T** gây thương tích làm tổn thương cơ thể 02 % sức khỏe, quá trình giằng co với **H**, chị **T** bị thương tích xây xước da vùng cổ hàm phải, vết thương ở cẳng tay phải, đầu gối,

cẳng chân trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên cho chị **Phan Ngọc T** là 09% sức khỏe.

[4] Lời khai nhận của bị cáo **Trần Văn H** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Trần Văn H** đã phạm tội Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, làm trở ngại đến hoạt động giao thông nơi công cộng, ngoài ra còn xâm phạm đến sức khỏe của công dân, nên việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục, đồng thời phòng ngừa chung.

[7] Đối với tội Cố ý gây thương tích, bị cáo đã sử dụng lưỡi lê đâm vào vùng phía dưới ngực bên phải của chị **Phan Ngọc T** gây thương tích làm tổn thương cơ thể 02 % sức khỏe, quá trình giằng co với **H**, chị **T** bị thương tích xây xước da vùng cổ hàm phải, vết thương ở cẳng tay phải, đầu gối, cẳng chân trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên cho chị **Phan Ngọc T** là 09% sức khỏe. Bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự;

[8] Đối với tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng: bị cáo đã sử dụng lưỡi lê (thuộc phụ lục 3 “Danh mục vũ khí thô sơ” quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của **Bộ C1**) đâm chị **Phan Ngọc T** gây thương tích làm tổn thương là 09% sức khỏe. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[9] Về ý thức chủ quan, bị cáo buộc phải nhận thức được việc dùng “lưỡi lê” có tính sát thương cao để gây thương tích cho chị **Phan Ngọc T** là nguy hiểm, ngoài ra còn có thể dẫn đến án mạng. Nhưng bị cáo vẫn cố ý gây thương tích cho chị **T**.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Nhân thân bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án số 22/2011/HSST ngày 26/10/2011 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 26/3/2013, chưa thi hành số tiền nộp sung quỹ nhà nước) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm; bị cáo gây thương tích cho chị **T** khi chị **T** đang có thai nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng, được quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo

cùng gia đình đã bồi thường thiệt hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cho thấy hành vi của bị cáo gây ra là nghiêm trọng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[13] Đối với hành vi của bị cáo đã ném vỡ bộ ấm chén uống nước của anh Nguyễn Khắc V1, giá trị tài sản thiệt hại khoảng 150.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H có văn bản đề nghị Công an đặc khu C ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Văn H.

[14] Đối với 01 xe mô tô HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, không biển kiểm soát do Trần Văn H giao nộp, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đăng ký chủ sở hữu là anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1987, nơi ở hiện tại: Số F Hồ X, phường P, tỉnh Hưng Yên. Anh H2 mua chiếc xe trên và sử dụng từ năm 2015 đến năm 2021, anh H2 bị mất chiếc xe tại công trường xây dựng thuộc quận H (cũ), thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, anh H2 không đến công an trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau theo quy định của pháp luật. Trần Văn H tìm mua chiếc xe trên mạng xã hội của một người không quen biết và không biết xe do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[15] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao đã qua sử dụng có chiều dài tổng thể 34 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16 cm, loại một lưỡi sắc, mũi nhọn, trên lưỡi dao có dòng ký tự “AK-47 CCCP”, cán dao dài 18 cm được làm bằng kim loại, có dòng chữ ký tự “USA-47” bản rộng nhất của dao là 03 cm là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

[16] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Phan Ngọc T yêu cầu bị cáo Trần Văn H phải bồi thường số tiền 130.000.000 đồng do thương tích mà bị cáo H đã gây ra cho chị. Bị cáo Trần Văn H và gia đình đã bồi thường cho chị T số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng H chưa bồi thường. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H đã chấp nhận đề nghị bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo H phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho chị T là 90.000.000 đồng.

Đối với hành vi ném vỡ bộ ấm chén uống nước của anh Nguyễn Khắc V1, giá trị tài sản thiệt hại khoảng 150.000 đồng, do anh V1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm i (đối với tội cố ý gây thương tích) khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố:

Bị cáo **Trần Văn H** đã phạm tội Cố ý gây thương tích, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo **Trần Văn Huy 2** (hai bốn) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; 24 (hai bốn) tháng tù về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 48 (bốn tám) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2026.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Trần Văn H** phải bồi thường cho chị **Phan Ngọc T** số tiền 130.000.000 đồng. Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho chị **T** số tiền 40.000.000 đồng nên bị cáo **H** còn phải trả tiếp số tiền còn lại cho chị **T** là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao đã qua sử dụng có chiều dài tổng thể 34 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 16 cm, loại một lưỡi sắc, mũi nhọn, trên lưỡi dao có dòng ký tự “AK-47 CCCP”, cán dao dài 18 cm được làm bằng kim loại, có dòng chữ ký tự “USA-47” bản rộng nhất của dao là 03 cm (theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu vật chứng ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H**).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo **Trần Văn H** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS - Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Tuyến